TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:24/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Tuấn Thịnh.
2. Ông Lương Tuất Mạnh.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn Q - Sinh năm 1979.
Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai - có mặt.
2. Bị đơn: Chị Kiều Thị N - Sinh năm 1981.
Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai - vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2018 và bản tự khai ngày 09/4/2018 cũng như tại phiên tòa, anh Lê Văn Q trình bầy: Anh và chị Kiều Thị N đăng ký kết hôn năm 1997 tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai. Do thời gian đã lâu nên anh làm mất giấy chứng nhận kết hôn nên không nhớ chính xác ngày, tháng nhưng đã xin xác nhận của địa phương về việc đăng ký kết hôn với chị N. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Năm 2013, anh Q vi phạm pháp luật nên phải chấp hành án đến năm 2015 mới trở về địa phương. Khi về nhà thì chị N đã đưa theo con chung của anh chị là cháu Lê Quốc P về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn để sinh sống. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Bản thân anh xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Kiều Thị N.

Về con chung: Anh Q xác nhận, vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Văn C - Sinh ngày: 10/12/1998 và cháu Lê Quốc P - Sinh ngày: 02/11/2010. Hai cháu đều phát triển bình thường, do cháu C đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu P, hiện tại cháu đang ở cùng chị N và bố mẹ đẻ của chị N nên anh nhất trí để chị N được nuôi dưỡng cháu Phương sau khi ly hôn, do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Q xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có ý kiến trả lời về việc anh Lê Văn Q xin ly hôn.

Đối với vụ án này Toà án không hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung vì vắng mặt bị đơn. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa vì vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật: về thủ tục Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và giải quyết trong thời hạn luật định.

Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng; Bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử cho anh Lê Văn Q được ly hôn với chị Kiều Thị N; xử giao cháu Lê Quốc P cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, do anh Q trình bầy không có điều kiện cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho phù hợp, tuyên án phí và quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn Q khởi kiện xin ly hôn với chị Kiều Thị N và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi ly hôn. Anh Q và chị N đều có địa chỉ xã Q, huyện Bảo Thắng. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn Q và chị Kiều Thị N là hợp pháp. Do bị mất giấy chứng nhận kết hôn nên anh Q đã có

đơn đề nghị và được người trực tiếp có thẩm quyền đăng ký kết hôn cũng như UBND xã Q xác nhận về việc đăng ký kết hôn cho anh và chị N vào năm 1997 là đúng sự thật. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, hơn nữa do anh vi phạm pháp luật và phải chấp hành án từ năm 2013 đến năm 2015 nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn của vợ chồng anh Q đã được UBND xã Q xác nhận là đúng. Vợ chồng anh Q đã sống ly thân trong nhiều năm và không quan tâm đến nhau. Tại phiên toà hôm nay anh Q giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án, do chị N đều vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã làm việc với bố mẹ đẻ chị N để thông tin về việc anh Q xin ly hôn, gia đình chị N cũng đã thông tin cho chị N biết nội dung và không ai có ý kiến gì.

Vì vậy việc anh Q xin ly hôn với chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Q xác nhận vợ chồng anh có hai con chung là cháu Lê Văn C - Sinh ngày: 10/12/1998 và cháu Lê Quốc P - Sinh ngày: 02/11/2010. Hai cháu đều phát triển bình thường, do cháu C đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu P, cháu đã ở cùng chị N và ông bà ngoại từ khi anh Q phải chấp hành án năm 2013 cho đến nay, anh Q cũng đã có đơn đề nghị và được UBND xã Q xác nhận là đúng sự thật. Tòa án cũng tiến hành xác minh việc cháu Phương đang ở cùng ông bà ngoại và chị N tại thôn L, xã Q là đúng; bố mẹ đẻ chị N cũng xác nhận chị N đi làm nhưng vẫn đi về thăm con và gửi tiền cho ông bà chăm sóc cháu P, đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng cháu. Bản thân cháu P cũng có nguyện vọng muốn tiếp tục ở cùng mẹ và ông bà ngoại để thuận tiện cho việc học tập. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Q nhất trí để chị N được nuôi dưỡng cháu P sau khi ly hôn, vì vợ chồng ly thân từ khi cháu còn nhỏ nên cháu không có tình cảm với anh và anh cũng muốn cháu ổn định tâm lý để học tập; do anh mới chấp hành án trở về, điều kiện khó khăn nên anh Q không có điều kiện cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trước khi mở phiên tòa thì bố mẹ đẻ chị P cũng có đơn trình bầy về việc chị P đã về nhà đón cháu P đi để nuôi dưỡng, chị cũng được gia đình thông tin về việc anh Q xin ly hôn nhưng chị không có ý kiến gì, đơn có xác nhận của địa phương về nội dung trình bầy là đúng sự thật. Vì vậy cần giao cháu P cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung, khi nào chị N có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Q xác nhận vợ chồng anh không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự ; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử cho anh Lê Văn Q được ly hôn với chị Kiều Thị N.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lê Quốc P- Sinh ngày: 02/11/2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung, khi nào chị N có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác. Sau khi ly hôn, anh Lê Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007510 ngày 09/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Anh Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng;
- UBND xã Q;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên